

# Who Where

# 1

Lưu ý: những nghĩa dưới đây được hiểu theo những văn cảnh trong bài tập

- design: **thiết kế** /diˈzain/
- downtown: **khu trung tâm thành phố**
- local: **(thuộc về) địa phương** /ˈləʊ.kəl/
- architect: **kiến trúc sư** /ˈɑː.kɪ.tekt/
- sales meeting: **hội nghị, họp về bán hàng**
- be held: **được tổ chức**
- sell well: **bán chạy**
- revised: **được sửa lại** /rɪˈvaɪzd/
- annual: **hàng năm, thường niên** /ˈæn.ju.əl/
- be canceled: **bị hủy bỏ**
- be in charge of: **phụ trách**
- office supplies : **văn phòng phẩm** /ˈɒf.ɪs/ /səˈplaɪz/
- stapler : **cái dập ghim** /ˈsteɪ.plər/
- pay for : **trả thanh toán**
- suit : **bộ com lê - suit (v) phù hợp**
- cash register : **máy tính tiền** /ˈredʒ.ɪ.stər/
- entrance : **cổng vào** /ˈen.trəns/
- vice president: **phó chủ tịch** /ˈprez.ɪ.dənt/
- present the award : **trao thưởng**

/priˈzent/

/əˈwɔːd/

mrenglish.vn

# Who Where

# 2

Lưu ý: những nghĩa dưới đây được hiểu theo những văn cảnh trong bài tập

- report: bản báo cáo, thông báo /rɪˈpɔ:t/
- missing: mất, thất lạc
- be submitted: được, bị nộp /səbˈmɪtɪd/
- retirement party: tiệc chia tay nghỉ hưu
- leave the company: rời khỏi công ty, nghỉ
- necklace: dây chuyền đeo cổ /ˈnek.ləs/
- gift: quà tặng
- expensive: đắt > cheap : rẻ
- chair (v) : chủ trì cuộc họp
- belong to: thuộc về
- take. took over: đảm nhận lại, tiếp quản
- revised schedule: lịch trình đã được thông qua
- to be responsible for = to be in charge of
- repair ~ fix: sửa chữa
- ink cartridge: hộp mực máy in /ˈkɑː.trɪdʒ/
- accounting office: phòng kế toán /əˈkaʊn.tɪŋ/ /ˈɒf.ɪs/
- expense report: báo cáo thu chi /ɪkˈspens/
- cost: giá, tính giá
- leaves: nhiều lá cây
- soup: món súp /su:p/
- steak: bít tết, thịt rán, cá nướng /steɪk/
- booklet: cuốn sách nhỏ /ˈbʊk.lət/
- place the order: đặt hàng
- cashier: thu ngân /kæʃˈɪər/
- missing : thất lạc, mất
- credit card: thẻ tín dụng /ˈkred.ɪt/
- pay in cash: trả bằng tiền mặt
- mechanic: thợ máy, công nhân cơ khí /məˈkæn.ɪk/

**I. Listen and choose the best answer!**

1. Who designed the new building downtown?  
A, Yes, I will meet him at the downtown tonight.  
B, A local architect.
  
2. Where is the sales meeting being held this month?  
A, It'll be in London.  
B, Yes, the products are selling well.
  
3. Where is the revised annual report?  
A, The annual meeting has been canceled.  
B, I put it on your desk this morning.

4. Who's in charge of buying office supplies?

A, That is the office manager.

B, Staplers, pens, and paper.

5. Where can I pay for this suit?

A, I think it suits you well.

B, There is the cashier next to the entrance.

6. Who is the woman standing next to the president?

A, She is the new vice president.

B, She will present the award tonight.

7. Where can I report my door key missing?  
A, The report should be submitted by tomorrow.  
B, Go and tell them at the desk over there.
8. Who is coming to Mr. Saccup's retirement party?  
A, He will leave the company in a week.  
B, Almost everyone from our department
9. Where did you get that necklace?  
A, It was a gift from my husband.  
B, I think that is too expensive.

**II. Fill the gaps below:**

1. ....this report?
2. ....did you.....this camera?
3. ....the meeting?
4. ....can I catch the.....near here?
5. ....are you planning to.....?
6. ....me with this proposal?
7. ....did you.....the news?
8. ....the sales department?
9. ....public phone?
- 10.....be working on this project?

### **III. Common Who and Where questions**

#### **A. WHO**

1. Who is going to be working on the Thomson project?
2. Who does this bag belong to?
3. Who took over when your supervisor was away?
4. Who has the copy of the revised schedule?
5. Who is responsible for the repairs to the copier?

#### **B. WHERE**

6. Where is the nearest train station?
7. Where can I pay for this shirt?
8. Where did you buy that briefcase?
9. Where can we get an ink cartridge for the printer?
10. Where can I find the accounting office?

**IV. Choose A, B or C; fill the gaps**1. A ☐ B ☐ C ☐

.....the expense report?

(A) It costs more than .....

(B) The trees are .....

(C) In your .....

2. A ☐ B ☐ C ☐

.....take her to the airport?

(A) The plane leaves .....

(B) Robert can do it.

(C) .....

3. A ☐ B ☐ C ☐

.....a good place to eat?

(A) .....and steak.

(B) Try the restaurant .....

(C) I .....in the morning.

4. A ☐ B ☐ C ☐

.....belong to?

(A) It is mine.

(B) No, I didn't .....

(C) It's not .....

5. A ☐ B ☐ C ☐

.....pay phone?

(A) I think you should.....

(B) Yes, you can .....

(C) There's one .....

6. A ☐ B ☐ C ☐.....  
about my missing credit card?

(A) Tell the man .....back there.

(B) No, I'll pay .....

(C) I .....to mechanic yesterday.